

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Nhất

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Phạm Quang Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/12/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh V kết hôn ngày 02/5/2001 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh V và anh V ngay. Ban đầu vợ chồng đã sống không hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 8/2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V thường

xuân uống rượu say về đánh đập, chửi bới chị, không cho con cái học. Những lần đánh đập chị, địa phương có giải quyết và lập biên bản. Anh V cam kết sửa đổi nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Vì vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 10/2021 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh V nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/01/2002, cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/10/2013. Hiện nay cháu A và cháu T vẫn đang ở cùng chị. Còn cháu D đang đi học Đại học và đã trưởng thành. Ly hôn, chị xin nuôi cả cháu Phương A và cháu T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng. Còn cháu D đã trưởng thành chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là 01 thửa đất số 15.1 tờ bản đồ số 21 diện tích 131m² tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, trên đất có 01 ngôi nhà ba tầng và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Ly hôn chị đề nghị giải quyết theo quy định. Đến ngày 22/5/2022 và tại phiên tòa, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung trên.

Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 02/5/2001 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh. Ngay từ đầu vợ chồng sống không hòa thuận hạnh phúc, có lần sau khi cưới vợ chồng mâu thuẫn, chị T đã uống thuốc ngủ để tự tử nhưng không thành. Sau đó trong cuộc sống có những mâu thuẫn hàng ngày nhưng vợ chồng đã giải quyết xong. Đến khoảng tháng 9/2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị V và vợ anh cùng gây áp lực cho anh tại thời điểm anh đang đi làm công ty thì phải nghỉ việc. Từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn có chính quyền địa phương đến làm việc và lập biên bản. Đến khoảng tháng 12/2021, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở anh có xuống thăm các con nhưng không gặp chị T vì người nhà chị T ngăn cản và hai bên có xảy ra mâu thuẫn. Sau đó có lần anh ra chợ để hỏi chị T về việc các con đi học nhưng chị T không trả lời, anh đến lật khẩu trang của chị T chứ không đánh chị T, sau đó Công an xã T đã lập biên bản về sự việc trên. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý, đến ngày 11/7/2022 anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/01/2002, cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/10/2013. Hiện nay cháu A và cháu T vẫn

đang ở cùng chị T. Còn cháu D đang đi học Đại học và đã trưởng thành. Ly hôn, anh xin nuôi cả cháu Phương A và cháu T đề nghị chị T phải cấp dưỡng theo quy định. Còn cháu D đã trưởng thành anh không đề nghị giải quyết. Đến ngày 11/7/2022, ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu là cháu Phương A và cháu T.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung là 01 thửa đất số 15.1 tờ bản đồ số 21 diện tích 131m² tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, trên đất có 01 ngôi nhà ba tầng và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh xác định bản thân anh không đi vay mượn tiền của ai, còn việc chị T có vay mượn tiền của những ai hay không anh cũng không biết. Anh xác định số tiền vay anh B 15.000.000đồng, anh đã đưa cho chị T để trả cho anh B nên đến nay không còn nợ ai nữa.

Về tài sản riêng, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và anh Nguyễn Văn V có mối quan hệ là anh em họ hàng. Năm 2017, vợ chồng anh V, chị T làm nhà, anh chị T Việt có vay của anh số tiền 15.000.000đồng. Vì là anh em nên anh đã cho vợ chồng anh V, chị T vay số tiền trên và khi vay không có giấy tờ gì. Anh và chị T thống nhất là khi nào chị T có điều kiện thì trả cho anh số tiền này. Nay anh V, chị T ly hôn, anh không đề nghị và cũng không có yêu cầu độc lập để giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh V, về con chung giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A và cháu T, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Trần Thị T đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn V. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 15/12/2021, chị Trần Thị T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện việc kết hôn giữa chị T và anh V trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, theo chị T thì ban đầu hai vợ chồng sống không hòa thuận, đến tháng 8/2021 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh V thường xuyên uống rượu say về đánh đập, chửi bới chị. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, địa phương có vào giải quyết nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn vì vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 10/2021 cho đến nay. Anh V cũng thừa nhận hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ngay từ khi mới lấy nhau, mà mâu thuẫn trầm trọng là từ khi anh nghỉ làm ở công ty nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ đẻ anh và vợ anh luôn tạo áp lực cho anh, còn anh không đánh chị T, hai vợ chồng anh sống ly thân từ khoảng tháng 12/2021. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh V thì vợ chồng chị T anh V thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh V thường xuyên uống rượu về chửi, đánh đập chị T, địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không được. Việc hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh V đánh đập chị T và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay, việc hai vợ chồng không cùng chung sống nên không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và thường xuyên cãi chửi nhau, anh V đã từng xâm phạm đến sức khỏe của chị T. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Nay chị T xin ly hôn, anh V đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/01/2002, cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/10/2013. Hiện nay cháu A và cháu T vẫn

đang ở cùng chị T. Còn cháu D đang đi học Đại học và đã trưởng thành. Ly hôn, chị T xin nuôi cả hai cháu Phương A và cháu T, anh V cũng đồng ý. Còn cháu D đã trưởng thành, các bên đều không đề nghị giải quyết. Chị T buôn bán thuốc thú y tại địa phương, anh V làm lao động tự do tại địa phương. Xét thấy chị T và anh V đều có điều kiện về thu nhập, chỗ ở như nhau. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương và gia đình anh V thì anh V thường xuyên uống rượu say và chửi mắng các con, hơn nữa các cháu T và Phương A đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ, anh V cũng đồng ý để chị T nuôi cả hai cháu. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý, điều kiện sinh hoạt, học tập của các con nên cần giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T có thu nhập ổn định và tự nguyện không đề nghị anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[6]. Tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 thửa đất số 15.1 tờ bản đồ số 21 diện tích 131m² tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, trên đất có 01 ngôi nhà ba tầng và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Ngày 22/5/2022 và tại phiên tòa, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung trên. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[7]. Về công nợ: Anh V có trình bày chị T có vay nợ anh B như thế nào, anh không biết và cũng không vay anh B; Anh B có trình bày, vợ chồng anh V, chị T khi xây nhà có vay của anh 15.000.000đồng. Tuy nhiên, anh không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Chị T cũng không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[8]. Về tài sản riêng, công sức: Chị T, anh V không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản là 5.000.000 đồng, số tiền này chị T đã nộp, nay chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Vì vậy, chị T phải chịu toàn bộ chi phí trên, xác nhận chị T đã nộp đủ.

[10]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 157, 164 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/10/2013; Anh Nguyễn Văn V không phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

- Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị Trần Thị T phải chịu 5.000.000đồng, xác nhận chị T đã nộp đủ.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.000.000đồng, hoàn trả lại 28.700.000đồng theo biên lai số 0006113 ngày 21/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Nghĩa